

Số: 51/2026/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2026, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLST - DS, ngày 05 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Đ; Trụ sở: Tháp B, số A T, Phường H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Đặng Văn Q; người đứng đầu Chi nhánh N - Ngân hàng TMCP Đ là đại diện theo Quyết định số 5225/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026 của Người đại diện theo pháp luật - Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ về việc uỷ quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự. Ông Đặng Văn Q uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Ngọc T – Chuyên viên khách hàng 3, thuộc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ Chi nhánh: A T, phường D, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; CCCD số: 0371.6201.2929.

ĐKHKT: Làng Dek, xã I; chỗ ở hiện nay: Xóm B, Đ, Y, Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (Thông qua Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh N, địa chỉ: A T, phường D, tỉnh Gia Lai) số tiền 1.906.044.124 đồng (Một tỷ chín trăm lẻ sáu triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm hai mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2026 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/7194121/HĐTD ngày 20/07/2018 mà hai bên đã ký kết.

2.2. Thời hạn và phương thức trả nợ:

Bà **Nguyễn Thị C** cam kết có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** thông qua **Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh N** toàn bộ số tiền nợ trên vào ngày **10/12/2026**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2.3. Trường hợp đến thời hạn thanh toán nêu trên mà bị đơn bà **Nguyễn Thị C** không thanh toán hoặc thanh toán tiền nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7194121 ngày 04/8/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2015/7194121 ngày 04/8/2015 số 01/2018/7194121/SĐBS ngày 20/7/2018 (*Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật*), đã được các bên ký kết để thu hồi nợ gồm:

- Một phần diện tích 21451,7 m² đất thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ 112, địa chỉ thửa đất: **Thôn T, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (Nay là thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai)** nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 739830 do **UBND huyện C, tỉnh Gia Lai** cấp ngày 25/5/2015, có vị trí tứ cận cụ thể như sau:

Phía đông giáp đất ông **Q1** có chiều dài: 77,29 m; Phía tây giáp thửa đất số 6 và thửa đất số 12, tờ bản đồ số 112 có chiều dài 290,9 m; Phía nam giáp phần đất còn lại của thửa 14, tờ bản đồ số 112, có chiều dài 76,56 m; Phía bắc giáp một phần đối với phần đất còn lại của thửa 14, có chiều dài 38,22 m, phần còn lại giáp thửa đất của ông **H**, bà **H1** có chiều dài 264,24 m. (Vị trí thửa đất có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) bà **Nguyễn Thị C** tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Bà **Nguyễn Thị C** phải trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ** thông qua **Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N** số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng (**Ngân hàng TMCP Đ** không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này).

4. Án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên được giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hai bên đương sự thỏa thuận bà **Nguyễn Thị C** chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.590.662 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà **Nguyễn Thị C** là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 13 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, bà **Nguyễn Thị C** được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí là 34.590.662 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng TMCP Đ** thông qua **Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N** số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số tiền 32.429.737 đồng đã nộp theo Biên lai số 0004572 ngày 31/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực II- Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Trung